

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 83/2024/DS-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2024
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
Tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm, ông Lê Văn Tập.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương T** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 783/2023/TLST-DS ngày 13/12/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 07/05/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-DS ngày 23/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)**.

Địa chỉ: **Số H L, phường L, Quận Đ, Tp .**

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: **Công ty TNHH M.**

Địa chỉ: **Tầng E, khối E, Tòa nhà C, số B C, phường A, quận T, Tp .**

- Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của **Công ty TNHH M:** Ông **Ngân Xuân T1**. Địa chỉ: **C - C N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.** (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm: 1981. Ông **Nguyễn Út D**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: **A N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, Đ.**

Chỗ ở hiện nay: 97/8 **đường B, xã C, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.** Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông **Ngân Xuân T1** trình bày:*

Ngân hàng TMCP V với ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Ngày 28/8/2017, **Ngân hàng TMCP V** có cho ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** vay theo Hợp đồng tín dụng số LN1708230165267/DLK/HĐTD số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm, ba mươi triệu đồng), thời hạn 84 tháng, mục đích vay Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển trái cây, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.9%/năm, cố định 12 tháng đầu, sau đó lãi suất thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1708230165267/DLK/HĐTC ngày 28/8/2017 là: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số: 619F Tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ thửa đất: **xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích 125m²; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016 chuyển nhượng cho bà **Nguyễn Thị Kim T2**.

Theo Hợp đồng mua bán nợ Số 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 **Ngân hàng V1** với **Công ty TNHH M** và phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2024 thì **V1** đồng ý bán và **Công ty M** đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là bà **Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm 1981 và ông **Nguyễn Út D**, sinh năm 1980, địa chỉ hiện tại: 119 **N, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, Đ**; Giá trị của (các) khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của Hợp đồng mua bán nợ. Đồng thời, **V1** chuyển giao quyền chủ nợ, **Công ty M** kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của **V1** đối với (các) khoản nợ đã mua và quyền đối với (các) tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Nguyễn Út D**. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Ngày 18/3/2024 bà **Nguyễn Thị Kim T2** đã trả thêm số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, ngày 10/4/2024 bà **T2** trả thêm 5.000.000 đồng tiền gốc, ngày 11/5/2024 trả thêm 7.000.000 đồng tiền gốc.

Công ty TNHH M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Tạm tính đến ngày 12/6/2024 của ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** còn nợ số tiền gốc là 71.516.054 đồng, nợ lãi 43.360.034 đồng.

Do ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** vi phạm thời hạn trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết:

1/ Buộc ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 phải trả một lần cho Công ty TNHH M số nợ tạm tính đến ngày 12/6/2024 như sau: Nợ gốc 71.516.054 đồng đồng và nợ lãi 43.360.034 đồng đồng.

Ngoài ra, ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 13/06/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

2/ Trường hợp ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên và lãi phát sinh thì Công ty TNHH M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất của thửa đất số: 619F Tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ thửa đất: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích 125m²; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim T2.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn bà B Nguyễn Thị Kim T2 trình bày:

Bà T2 và chồng bà T2 là Nguyễn Út D cùng ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng số LN1708230165267/DLK/HDTD ký ngày 28/8/2017. Bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Út D1 vay số tiền 330.000.000 đồng, thời hạn 84 tháng, mục đích vay Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyển trái cây, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.9%/năm, cố định 12 tháng đầu, sau đó lãi suất thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Bà T2 có sử dụng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016. Thửa đất số: 619F; Tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ thửa đất: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Diện tích 125m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 80m² đất trồng cây lâu năm: 45m². Chữ ký trong Hợp đồng tín dụng số LN1708230165267/DLK/HDTD ký ngày 28/8/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1708230165267/DLK/HDTC ký ngày 28/8/2017 là do vợ chồng bà T2 ký tên.

Ngày 18/3/2024 bà T2 đã trả thêm số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Hiện nay bà T2 và ông D1 còn nợ Công ty TNHH M số tiền gốc: 83.516.054 đồng; Nợ lãi: tạm tính đến ngày 30/10/2023 là 32.595.282 đồng.

Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa trả hết nợ được. Nay bà T2 đề nghị Công ty TNHH M mua bán nợ G cho bà T2 phương án trả nợ dần như sau: Bà

T2 chấp nhận trả toàn bộ gốc và lãi theo phương án mỗi tháng bà **T2** sẽ trả số tiền 7.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trả hết nợ.

Đối với bị đơn **Nguyễn Út D**, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên ông **D** không lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa: Đại diện VKSND TP. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn cư trú tại **TP.** nên Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 BLTTDS. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn **Nguyễn Thị Kim T2**, **Nguyễn Út D** chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 295,463,466,468 BLDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông **Nguyễn Út D**, bà **Nguyễn Thị Kim T2** phải trả nợ cho **Công ty TNHH M** tổng số tiền là 114.876.088 đồng tính đến ngày 12/6/2024 (trong đó, Nợ gốc 71.516.054 đồng đồng và nợ lãi 43.360.034 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2024 cho đến khi vợ chồng ông **D**, bà **T2** trả hết nợ.

Trường hợp ông **D**, bà **T2** không trả nợ cho **Công ty TNHH M** thì đề nghị cho xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho **Công ty TNHH M**.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại **9 đường B, xã C, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn **Nguyễn Thị Kim T2**, ông **Nguyễn Út D** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng đã được tổng đạt theo quy định của pháp luật, Điều căn

cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V** khởi kiện bị đơn **Nguyễn Thị Kim T2**, ông **Nguyễn Út D** yêu cầu trả số tiền vay còn nợ, được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết Ngày 30/6/2023 giữa nguyên đơn và **Công ty TNHH M** có lập Hợp đồng mua bán nợ số 3-30/6/2023/GLX-VPB, theo phụ lục hợp đồng ngày 01/01/2024 **Công ty TNHH M** nợ **G** đồng ý mua và **Ngân hàng TMCP V** đồng ý bán các khoản nợ của khách hàng vay **Nguyễn Thị Kim T2**, ông **Nguyễn Út D**. Do đó, theo quy định tại Điều 365, 368 của Bộ luật dân sự thì **Ngân hàng TMCP V** đã chuyển giao quyền yêu cầu qua cho **Công ty TNHH M**; nên **Công ty TNHH M** có các quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 01/01/2024, **Công ty TNHH M** mới có văn bản trình bày nên HĐXX xác định và đưa **Công ty TNHH M** vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân.

[4] Về nội dung vụ án: Giữa **Ngân hàng TMCP V** với ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Ngày 28/8/2017, **Ngân hàng TMCP V** có cho ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** vay theo Hợp đồng tín dụng số LN1708230165267/DLK/HĐTD số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm, ba mươi triệu đồng), thời hạn 84 tháng, mục đích vay Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyên trái cây, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.9%/năm, cố định 12 tháng đầu, sau đó lãi suất thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyên nợ quá hạn. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do **UBND thành phố B**, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016.

Tính đến ngày 12/6/2024 của ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** còn nợ **Công ty TNHH M** theo Hợp đồng tín dụng số tiền gốc 71.516.054 đồng, nợ lãi 43.360.034 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giữa các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của hợp đồng dân sự vay tài sản. Đến hạn trả nợ, ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** không trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự. Nay **Công ty TNHH M** khởi kiện yêu cầu ông **D**, bà **T2** phải trả số tiền gốc 71.516.054 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/6/2024 là 43.360.034 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là có căn cứ cần

chấp nhận

[5] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1708230165267/DLK/HĐTC ký ngày 28/8/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và ông D, bà T2 đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Trường hợp ông D, bà T2 không trả được khoản nợ trên thì Công ty TNHH M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000đồng. Công ty TNHH M được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản sau khi thu được của ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2.

[7] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH M không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, Điều 147; Điều 158; Điều 161; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 295,297, 299, 323,324,365, 368, 463;466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH M.

Buộc ông Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 phải trả cho Công ty TNHH M tổng số tiền 114.876.088 đồng. trong đó nợ gốc là 71.516.054 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/6/2024 là 43.360.034 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN1708230165267/DLK/HĐTD ngày 28/8/2017.

Sau khi Nguyễn Út D và bà Nguyễn Thị Kim T2 trả nợ xong, thì Công ty TNHH M có nghĩa vụ trả lại cho ông D, bà T2: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu/ sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Kim T2.

Trường hợp ông **D**, bà **T2** không trả được nợ cho **Công ty TNHH M** thì **Công ty TNHH M** được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1708230165267/DLK/HDTTC ký ngày 28/8/2017 để thu hồi nợ là: thửa đất số: 619F Tờ bản đồ số: 30; Địa chỉ thửa đất: **xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; Diện tích 125m²; theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 762975, số vào sổ cấp GCN: H- 02490 do **UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** cấp ngày 15/01/2009, đăng ký thay đổi chủ sở hữu sử dụng lần cuối ngày 22/03/2016 chuyển nhượng cho bà **Nguyễn Thị Kim T2**.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. **Công ty TNHH M** được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tài sản sau khi thu được của ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2**.

[3] Về án phí: Ông **Nguyễn Út D** và bà **Nguyễn Thị Kim T2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.743.804 đồng.

Hoàn trả cho **Công ty TNHH M** nợ **Galaxy** tiền tạm ứng án phí là 3.652.783 đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột theo biên lai số 0004447 ngày 28 tháng 11 năm 2023.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS Tp. Buôn Ma Thuột,
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS
Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đôn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Đ

